

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG HÒA
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày 16/5/2023

V/v: Ly hôn, giải quyết con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HÒA - CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Mên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mông Văn Thành và ông Bế Văn Hạnh;

Thư ký phiên tòa: Bà Mã Thị Diệu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa - Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2022/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 về việc: Yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung theo; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 443/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25/4/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Mạc Thị Bích T, sinh năm 1980;

Trú tại: Tổ 02, phường S B, thành phố C B, tỉnh C B;

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Sầm Văn T, sinh năm 1979;

Trú tại: N T, xã M H, huyện Q H, C B; vắng mặt không có lý do (đã triệu tập hợp lệ hai lần).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2022 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn Mạc Thị Bích T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Sầm Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã M H, huyện Q H, tỉnh C B ngày 16/7/2008. Quá trình sống chung thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng về quan điểm sống, anh T thường xuyên có hành động chửi bới, đánh đập, xúc phạm danh dự chị và đi vào con đường tệ nạn xã hội là nghiện hút ma túy, gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không thành công. Từ năm 2020 đến nay hai vợ chồng đã sống ly thân. Năm 2021 chị T nộp đơn yêu cầu ly hôn và được Tòa án thụ lý giải quyết; tại phiên hòa giải năm 2021 anh T yêu cầu được đoàn tụ, chủ động viết bản cam kết tự sửa chữa lỗi lầm của bản thân, cùng nhau xây dựng lại hạnh phúc gia đình; nên chị T đã rút đơn xin ly hôn anh T. Tuy nhiên, từ đó đến nay anh T không có sự thay đổi bản thân, vẫn nghiện hút và mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng hơn; nên chị T lần nữa có đơn xin ly hôn anh Sầm Văn T.

Về con chung: Chị và anh Sầm Văn T có hai con chung là Sầm Mạc T sinh ngày 30/11/2007 và Sầm Mạc Anh T sinh ngày 16/7/2012. Sau khi ly hôn, chị T tự nguyện chăm sóc, giáo dục hai con đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi các con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Có 01 căn nhà 03 tầng xây dựng trên đất của ông Mạc Văn P (bố vợ), trị giá nhà và nội thất khoảng 01 tỷ đồng; 01 căn nhà cấp bốn, chuồng trại, ao cá (xây dựng năm 2017) trên đất của ông Sầm Văn L (bố chồng) do hai vợ chồng bỏ tiền ra xây dựng. Toàn bộ tài sản chung nêu trên chị sẽ tự thỏa thuận với anh T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Còn việc tại phiên hòa giải anh T yêu cầu chị trả số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) giá trị tài sản chung, nhưng chị chưa đủ khả năng trả ngay.

Về vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08/02/2023 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn Sầm Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí với trình bày của chị Mạc Thị Bích T về thời gian kết hôn, con chung và vay nợ chung. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống và do bản thân anh sử dụng ma túy. Tuy có mâu thuẫn nhưng hai vợ chồng chưa sống ly thân. Anh T thừa nhận năm 2021, khi chị T viết đơn xin ly hôn lần đầu đã được tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung. Nay anh T không nhất trí ly hôn và có nguyện vọng được đoàn tụ với chị T do tình cảm vợ chồng vẫn còn.

Về con chung: Anh T có ý kiến, trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh nhất trí để chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục hai con là Sầm Mạc T và Sầm Mạc Anh T và tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con với mức 1.500.000 đồng/tháng đến khi các con trưởng thành.

Về tài sản chung: Anh T nhất trí với trình bày của chị T về các công trình trên đất mà quá trình sống chung vợ, chồng đã tạo dựng được. Tại đơn yêu cầu chia tài sản chung ngày 03/3/2023, anh Sầm Văn T ghi các công trình (gồm nhà, công trình ở xóm N T, xã M H và nhà ở Tổ 2, phường S B) có tổng giá trị khoảng 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu đồng), khi ly hôn anh T yêu cầu Tòa án chia mỗi người trị giá $\frac{1}{2}$ các công trình nêu trên hoặc nếu chị T trả cho anh ngay số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) giá trị tài sản chung của vợ chồng, thì anh T sẽ ký biên bản thuận tình ly hôn. Ngày 03/3/2023, Tòa án ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung và đã tổng đạt trực tiếp cho anh Tn; tuy nhiên, anh Sầm Văn T đã không nộp tiền tạm ứng án phí với lý do yêu cầu được đoàn tụ gia đình.

Về vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các ngày 12 và 14/4/2023, Tòa án đã xác minh tại Công an xã M H, huyện Q H và Công an phường S B, thành phố C B về thực trạng cư trú và tình trạng nghiện của anh Sầm Văn T nhưng do anh T không đăng ký tạm vắng tại Công an xã M H và đăng ký tạm trú tại Công an phường S B, nên các cơ quan chuyên môn không quản lý và không xác định được tình trạng nghiện của anh T. Còn quá trình xác minh tại chính quyền Tổ 2, phường S B thì chỉ nghe qua bố đẻ chị T nói vợ chồng T, T có mâu thuẫn nhưng chính quyền chưa vào cuộc hòa giải mâu thuẫn vợ chồng T, T lần nào.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Quảng Hòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký Tòa án: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/ 2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án để giải quyết: Về quan hệ hôn nhân, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Về con chung, căn cứ vào bản tự khai của cháu Sầm Mạc T và Sầm Mạc Anh T ngày 05/01/2023 và yêu cầu của chị T; giao cháu Sầm Mạc T và Sầm Mạc Anh T cho chị Mạc Thị Bích T được chăm sóc, giáo dục và không yêu anh Sầm Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, hai bên đương sự không yêu cầu giải quyết. Về án phí, chị T phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Mạc Thị Bích T yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Sầm Văn T, anh T có hộ khẩu thường trú tại huyện Q H, tỉnh C B; căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

[2] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Mạc Thị Bích T và anh Sầm Văn T đăng ký kết hôn ngày 16/7/2008 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và đã được Ủy ban nhân dân xã M H, huyện Q H, tỉnh C B cấp Giấy chứng nhận kết hôn, vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn gia đình do bất đồng về quan điểm sống, phát triển kinh tế gia đình. Anh T thường xuyên có hành động chửi bới, đánh đập, xúc phạm danh dự chị và đi vào con đường tệ nạn xã hội nghiện hút, gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không thành công. Hai vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Còn anh T xác nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, phát triển kinh tế gia đình và do bản thân sử dụng ma túy; nhưng tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh T không nhất trí ly hôn.

Xét thấy, anh T cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn, nhưng năm 2021 chị T viết đơn gửi Tòa án lần đầu, sau khi Tòa án hòa giải anh T chủ động viết bản cam kết sẽ không giao du với những thành phần xấu và không hút hít nữa; nên chị T đã rút đơn để hai anh chị đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình. Nhưng từ năm 2021 đến nay anh T vẫn không thay đổi, quá trình Tòa án xây dựng hồ sơ anh T tự thừa nhận hiện nay anh vẫn sử dụng ma túy, bản thân đã không có giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, tình cảm không được vun đắp dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên một lần nữa chị T lại có đơn xin ly hôn anh T. Như vậy, có đủ căn cứ chứng minh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chị Mạc Thị Bích T và anh Sầm Văn T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mạc Thị Bích T, cho chị T được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Mạc Thị Bích T và anh Sầm Văn T có 02 con chung là Sầm Mạc T sinh ngày 30/11/2007 và Sầm Mạc Anh T sinh ngày 16/7/2012. Sau khi ly hôn, chị T tự nguyện sẽ trực tiếp chăm sóc, giáo dục hai con và cũng được

anh T nhất trí. Việc chị T tự nguyện nuôi con phù hợp với nguyện vọng của hai cháu T và T nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao hai cháu Sầm Mạc T và Sầm Mạc Anh T cho chị Mạc Thị Bích T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị T tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật; sự tự nguyện này phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung: Chị T và anh T cùng khai có tài sản chung vợ chồng là các công trình xây dựng trên đất bên nội và bên ngoại, nhưng chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Còn anh T có đơn yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, tuy nhiên trong thời hạn luật định anh T không nộp tạm ứng án phí chia tài sản chung theo quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án không giải quyết phần tài sản chung giữa anh và chị T trong cùng vụ án.

Về vay nợ chung: Chị T và anh T đều xác nhận không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét quan điểm giải quyết nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa là có cơ sở, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Mạc Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Mạc Thị Bích T được ly hôn anh Sầm Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Mạc Thị Bích T chăm sóc, giáo dục hai con là Sầm Mạc T sinh ngày 30/11/2007 và Sầm Mạc Anh T sinh ngày 16/7/2012 đến

tuổi trưởng thành. Anh Sầm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí:

Chị Mạc Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0004706 ngày 15/12/2022 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng thu.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã M H;
- Lưu án văn, lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Thị Mến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mông Văn Thành

Bế Văn Hạnh

Phùng Thị Mến

